



Tp. Hồ Chí Minh, ngàytháng 05 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2019, tình hình quốc tế diễn biến phức tạp và có nhiều yếu tố không thuận lợi. Kinh tế thế giới, thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại; cạnh tranh chiến lược và căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn gia tăng; giá vàng tăng cao, giá dầu thô biến động mạnh; rủi ro trên thị trường quốc tế tăng lên; nhiều quốc gia nới lỏng chính sách tài chính, tiền tệ... Tình hình khu vực, biển Đông diễn biến rất phức tạp.

Trong nước, GDP đạt kết quả ấn tượng tăng 7,02 %, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn, thách thức tăng trưởng chậm lại của một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực; giải ngân vốn đầu tư công đạt thấp.

Bên cạnh những thuận lợi trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu nhiều tác động bất lợi như: Mức chiết khấu xăng dầu thấp, chi phí tài chính tăng cao,...

Trong tình hình đó, với sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban giám đốc đã điều hành linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả đạt được như sau

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh (Chi tiết đính kèm):

Năm 2019 doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh đạt 1.089 tỷ đồng vượt 7% kế hoạch, lợi nhuận đạt 19,24 tỷ đồng vượt 20% kế hoạch năm.

Nguyên nhân chính lợi nhuận vượt kế hoạch do lợi nhuận thu được từ Công ty liên doanh PMG vượt 206% kế hoạch năm.

a. Sản phẩm Xưởng Thùng Phuy:

- **Thùng Phuy:** Doanh thu đạt 220 tỷ đồng vượt 5% kế hoạch, lợi nhuận đạt 5,88 tỷ đồng vượt 18% kế hoạch năm. Nguyên nhân lợi nhuận sản phẩm thùng Phuy vượt kế hoạch do sản lượng vượt 5% so với kế hoạch và giá nguyên vật liệu chính sản xuất phuy giảm 9% kéo theo giá thành sản phẩm bình quân giảm 5% so với thực hiện năm 2018.
- **Thùng 18/20L:** Doanh thu đạt 56,7 tỷ đồng 99% so với kế hoạch, lợi nhuận đạt 2 tỷ đồng bằng kế hoạch năm.

b. Sản phẩm cơ khí ô tô: Năm 2019 doanh thu đạt 149,2 tỷ đồng bằng 99% kế hoạch, lợi nhuận đạt 515 triệu đồng bằng 52% kế hoạch năm, nguyên nhân chính không đạt kế hoạch do nhu cầu thị trường giảm, cạnh tranh gay gắt giữa các đối thủ.

c. Sản phẩm kinh doanh dịch vụ:

Năm 2019 doanh thu đạt 657,2 tỷ vượt 9% kế hoạch năm, lợi nhuận đạt 4,7 tỷ đồng đạt 79% kế hoạch năm. Nguyên nhân không đạt lợi nhuận do mức chiết khấu rất thấp có thời điểm 1 số cửa hàng không đủ bù chi phí.

- **Kinh doanh xăng dầu:** Doanh thu đạt 641,9 tỷ đồng vượt 9% kế hoạch, lợi nhuận đạt 4 tỷ đồng đạt 74% kế hoạch năm. Nguyên nhân do trong năm 2019 tình hình kinh doanh xăng dầu gặp nhiều khó khăn về nguồn hàng, mức chiết khấu được hưởng thấp (Mức lãi gộp tính trên 1 lít xăng dầu bán ra chỉ đạt 71,7% so với lãi gộp kế hoạch và bằng 64,6% so với mức lãi gộp bình quân 2018)
- **Kinh doanh dịch vụ khác:** Bao gồm dịch vụ xây lắp và bán vật tư nhận diện thương hiệu: Doanh thu đạt 15,3 tỷ đồng vượt 2% kế hoạch năm, lợi nhuận đạt 677 triệu đồng vượt 36% kế hoạch năm.

2. Lao động tiền lương:

- Số lao động bình quân năm 2019 là 219 người giảm 1 người so với năm 2018 và KH 2019.
- Lương bình quân năm 11.600.000 đồng/người/tháng tăng 16% so với lương bình quân kế hoạch năm 2019.

3. Công tác đầu tư:

- **PMS ĐN:** Năm 2019 đầu tư và sửa chữa MMTB: 6,03 tỷ đồng thực hiện 78,3% kế hoạch. Trong đó:
 - + Đầu tư mới: 2,02 tỷ đồng (Máy đập 50 MT, trạm cân, cầu trục 3,5 MT, bơm sơn,...)
 - + Sửa chữa: 4 tỷ đồng (bộ gale, súng phun sơn, bơm thủy lực, bộ bung gân, sửa chữa đại tu xe tải, ...)
- **PMS:** Chi phí trang bị nhận diện thương hiệu cho CHXD và các đại lý: 2 tỷ đồng thực hiện 100% kế hoạch.

4. Công ty PMG

- Năm 2019 kết quả SXKD của Công ty liên doanh P.M.G đạt kết quả như sau: Doanh thu 170,2 tỷ vượt 69,5% kế hoạch, lợi nhuận 16,5 tỷ đồng. Lợi nhuận được chia cho PMS 6,1 tỷ đồng vượt 206% kế hoạch năm 2019.
- Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận của PMG đều vượt kế hoạch: Do sản lượng vượt kế hoạch năm 2019, đặc biệt bình 45,48 kg vượt 42,15%, giá nguyên vật liệu đầu năm 2019 một số lô thép công ty nhập được với giá thấp; đồng thời quý I còn lại một số đơn hàng của hợp đồng năm 2018 chuyển qua. Lãnh đạo Công ty đã tập trung trong việc, hợp lý hóa sản xuất, cải thiện điều kiện làm việc nhằm tăng năng suất lao động.

0183
ÔNG
Ô PH
CƠ K
ANG
ANH-T

5. Các chỉ tiêu tài chính hợp nhất

-Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

• **Khả năng Sinh lời:**

Chỉ tiêu tài chính	TH năm trước (%)	TH năm báo cáo (%)
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1,51	1,58
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	8,99	11,12
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	3,79	5,45
- Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	1,65	1,78

• **Khả năng thanh toán:**

- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Lần) : 1,06

- Hệ số thanh toán nhanh (Lần) : 0.76

• Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo: 167.213 triệu đồng.

• Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không có;

• Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại: đã lưu ký 3.431.291 cổ phiếu; chưa lưu ký: 3.770.481 cổ phiếu;

• Số lượng cổ phiếu quỹ theo từng loại: 25.890;

Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn: 12,345,433,414 đồng (17,14% VĐL)

GIÁM ĐỐC

ĐOÀN ĐẶC HỌC



CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ XĂNG DẦU



TP. HCM, Ngày tháng 05 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2019

STT	NGÀNH NGHỀ KD	ĐVT	KẾ HOẠCH 2019		THỰC HIỆN 2019		TH/KH	
			DOANH THU	LỢI NHUẬN	DOANH THU	LỢI NHUẬN	DT(%)	LN(%)
A	KINH DOANH SẢN XUẤT & DỊCH VỤ		1.017.988.000.000	14.000.000.000	1.082.614.154.618	13.128.702.465	106%	94%
I	KD SẢN PHẨM SẢN XUẤT		415.820.000.000	8.000.000.000	425.393.165.216	8.402.119.815	102%	105%
1	Sản xuất thùng Phuy 200 lít	Đồng	208.510.000.000	5.000.000.000	219.513.347.895	5.880.721.746	105%	118%
2	Sản xuất thùng 18/20 lít	Đồng	57.310.000.000	2.000.000.000	56.678.030.600	2.006.387.664	99%	100%
3	Sản phẩm cơ khí Ô tô	Đồng	150.000.000.000	1.000.000.000	149.201.786.721	515.010.405	99%	52%
II	KD DỊCH VỤ		602.168.000.000	6.000.000.000	657.220.989.402	4.726.582.650	109%	79%
1	Kinh doanh XD + SP hóa dầu	Đồng	587.168.000.000	5.500.000.000	641.881.470.386	4.049.044.482	109%	74%
2	Kinh dịch vụ và khác	Đồng	15.000.000.000	500.000.000	15.339.519.016	677.538.168	102%	136%
B	ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH & KHÁC		2.000.000.000	2.000.000.000	6.327.146.834	6.115.187.854	316%	306%
1	Đầu tư tài chính ra ngoài DN & Khác		2.000.000.000	2.000.000.000	6.327.146.834	6.115.187.854	316%	306%
C	TỔNG CỘNG		1.019.988.000.000	16.000.000.000	1.088.941.301.452	19.243.890.319	107%	120%